

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT**

---

**LÊ HÙNG SƠN**

**NGHIÊN CỨU THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP  
NƯỚC NGOÀI VÀO TỈNH QUẢNG NINH  
TRONG BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN MỚI**

**Ngành: Quản lý Kinh tế  
Mã số: 9310110**

**TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ KINH TẾ**

**HÀ NỘI - 2020**

Công trình được hoàn thành tại:  
**Khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh, Trường Đại học Mở - Địa chất**

Người hướng dẫn khoa học: **PGS.TS Nhâm Văn Toán**

Phản biện 1: **TS Đặng Huy Thái**

Phản biện 2: **GS. TS Từ Sỹ Sùa**

Phản biện 3: **PGS. TS Nguyễn Văn Định**

Luận án được bảo vệ trước Hội đồng đánh giá luận án Tiến sĩ cấp Trường  
học tại Trường Đại học Mở - Địa chất vào hồi ... giờ ..., ngày ... tháng ... năm 2020

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- **Thư viện Quốc gia**
- **Thư viện Trường Đại học Mở - Địa chất**

## **PHẦN MỞ ĐẦU**

### **1. Tính cấp thiết của đề tài**

Đầu tư trực tiếp nước ngoài đã và đang có vai trò quan trọng trong sự phát triển kinh tế đối với nhiều quốc gia trên thế giới. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đã mang lại nhiều lợi thế quan trọng trong đó có thể dẫn đến chuyển giao công nghệ, bí quyết, cải thiện khả năng tiếp cận thị trường quốc tế và thúc đẩy cạnh tranh. Tại Việt Nam, Luật Đầu tư nước ngoài đã được sửa đổi và mở rộng quyền tự chủ cho chính quyền cấp tỉnh trong quản lý đầu tư nước ngoài như cấp giấy phép đầu tư, cho thuê đất, cung cấp giấy phép xuất nhập khẩu và tuyển dụng lao động. Chính sách này cho phép chính quyền cấp tỉnh phát triển theo một cách sáng tạo thu hút nhiều nhà đầu tư nước ngoài hơn và các nhà đầu tư nước ngoài có thể cân nhắc nhiều nhân tố khi đầu tư vào Việt Nam như lựa chọn địa điểm phù hợp để phát huy tối đa hiệu quả đầu tư.

Quảng Ninh là một trong số ít những địa phương có điều kiện tự nhiên và vị trí địa lý tương đối thuận lợi, là đầu mối giao thông quan trọng thúc đẩy giao thương trong khu vực và quốc tế. Ngay từ những năm đầu thời kỳ đổi mới, Tỉnh uỷ và UBND tỉnh Quảng Ninh đã xác định rõ lợi thế so sánh, xu hướng phát triển hội nhập kinh tế quốc tế và khẳng định thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài là một trong những giải pháp quan trọng để phát triển kinh tế xã hội. Quảng Ninh đã thu được những kết quả quan trọng (mở rộng và tăng nguồn vốn đầu tư phát triển, tăng năng lực sản xuất, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo nhiều việc làm mới cho người lao động, thúc đẩy nhanh quá trình đổi mới thiết bị, công nghệ và kinh nghiệm quản lý, mở rộng thị trường xuất khẩu, tăng nguồn thu cho ngân sách,...) nhằm thúc đẩy kinh tế - xã hội của Tỉnh phát triển nhanh và bền vững.

Tỉnh Quảng Ninh đã xác định chiến lược thu hút đầu tư trực tiếp nước

ngoài, từ những đối tác tin cậy tại các nước có nền kinh tế phát triển với thế mạnh là: “Hạ tầng giao thông, khoa học công nghệ, ngành công nghiệp sạch, công nghiệp hỗ trợ, nông nghiệp công nghệ cao, môi trường; tập trung vào các khu công nghiệp và khu kinh tế.” Do đó, theo sau sự cắt giảm của nguồn hỗ trợ chính thức (ODA) thì nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) từ những quốc gia phát triển sẽ là một trong những nguồn vốn quan trọng có tính chiến lược trong tiến trình thúc đẩy phát triển nhanh nền kinh tế của Quảng Ninh trong tương lai. Tuy nhiên, kể từ khi Quảng Ninh thu hút được dự án FDI đầu tiên năm 1990 đến thời điểm hiện tại, trên địa bàn Tỉnh còn rất nhiều dự án đầu tư theo hình thức đầu tư trực tiếp nước ngoài với số vốn thực hiện đạt thấp (khoảng 20%), các dự án FDI chưa thực sự phát huy hiệu quả, còn bỏ qua nhiều cơ hội đầu tư của những doanh nghiệp có trình độ công nghệ cao và lượng vốn có quy mô lớn như Nhật Bản, Hoa Kỳ, Singapore...

Trong bối cảnh Việt Nam đang tham gia và thực thi các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới cùng với sự dịch chuyển trong chuỗi giá trị toàn cầu bằng việc tập trung xây dựng chuỗi liên kết trong nước, gia tăng giá trị, nâng cao kỹ năng và đổi mới sáng tạo, cùng với sự ảnh hưởng từ cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đang diễn ra mạnh mẽ, với những công nghệ đột phá...đã khiến cạnh tranh thu hút FDI trong khu vực và trên thế giới đang diễn ra ngày càng gay gắt. Để đạt được mục tiêu thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài nêu trên, công tác thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài có vai trò quan trọng mang tính quyết định.

Vì những lý do nêu trên, việc tác giả lựa chọn tên đề tài luận án “Nghiên cứu thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào tỉnh Quảng Ninh trong bối cảnh phát triển mới” mang tính khoa học và thực tiễn phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội chung của cả nước và của tỉnh Quảng Ninh nói riêng trong bối cảnh mới.

## **2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu**

### ***2.1. Mục đích nghiên cứu***

Luận án nghiên cứu đề đề xuất một số giải pháp có căn cứ khoa học và thực tiễn nhằm nhằm tăng cường thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào tỉnh Quảng Ninh trong bối cảnh phát triển mới.

### ***2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu***

+ Hệ thống hóa lý luận chung về đầu tư trực tiếp nước ngoài và vấn đề thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào một đất nước nói chung và vào một địa phương cấp tỉnh nói riêng;

+ Phân tích thực trạng thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào tỉnh Quảng Ninh trong giai đoạn 2010-2019;

+ Đánh giá những thành công, hạn chế và nguyên nhân của thành công, hạn chế của thực trạng thu hút vốn FDI vào tỉnh Quảng Ninh;

+ Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến thu hút vốn FDI vào tỉnh Quảng Ninh thông qua mô hình phân tích nhân tố khám phá (EFA) và mô hình cấu trúc tuyến tính dựa trên bình phương tối thiểu từng phần (PLS-SEM)

+ Nghiên cứu hệ thống, đồng bộ các giải pháp nhằm tăng cường thu hút vốn FDI vào tỉnh Quảng Ninh trong bối cảnh mới.

## **3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

### ***3.1. Đối tượng nghiên cứu***

Luận án tập trung nghiên cứu các vấn đề lý luận và thực tiễn thu hút vốn FDI vào địa phương cấp tỉnh.

### ***3.2. Phạm vi nghiên cứu***

- Nội dung: Tình hình thu hút vốn FDI và những nhân tố ảnh hưởng đến thu hút vốn FDI vào tỉnh Quảng Ninh;

- Không gian: Địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

- Thời gian: Tác giả tập trung nghiên cứu thực trạng thu hút vốn FDI vào tỉnh Quảng Ninh trong khoảng thời gian từ năm 2010 đến năm 2019 và các giải pháp định hướng cho các năm tới.

#### **4. Những đóng góp của luận án**

- *Về mặt lý luận:* Hệ thống hóa cơ sở lý luận về vốn đầu tư nước ngoài và thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (vốn FDI). Luận án làm rõ bản chất và vai trò của vốn đầu tư nước ngoài đặc biệt là đối với các nước hay địa phương tiếp nhận vốn đầu tư trong bối cảnh phát triển mới của địa phương cấp tỉnh hiện nay. Đề nghiên cứu định lượng khả năng thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào tỉnh Quảng Ninh, đề tài đã đề xuất mô hình cấu trúc tuyến tính nghiên cứu 6 nhân tố ảnh hưởng đến ý định đầu tư của các nhà đầu tư vào địa phương và vận dụng bộ tiêu chí này để đánh giá các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động thu hút vốn đầu tư nước ngoài vào tỉnh Quảng Ninh.

- *Về mặt thực tiễn:* Luận án phân tích thực trạng thu hút vốn FDI vào tỉnh Quảng Ninh; đánh giá những kết quả thu hút vốn FDI vào tỉnh Quảng Ninh. Phân tích thành công và hạn chế, những nguyên nhân của thành công và hạn chế trong thu hút vốn FDI vào tỉnh Quảng Ninh. Luận án sử dụng mô hình phân tích nhân tố khám phá EFA, mô hình cấu trúc tuyến tính dựa trên bình phương tối thiểu từng phần (PLS-SEM) để phân tích các nhân tố ảnh hưởng tới thu hút vốn FDI vào tỉnh Quảng Ninh thông qua mô hình cấu trúc tuyến tính với “Ý định đầu tư” là biến phụ thuộc và 6 biến độc lập là 6 nhóm nhân tố hội tụ từ rất nhiều quan sát gồm: “cơ sở hạ tầng”, “chính sách thu hút”, “nguồn nhân lực”, “lợi thế vị trí”, “môi trường sống” và “chất lượng dịch vụ công”. Và rút ra được kết luận về sự ảnh hưởng và mức độ ảnh hưởng của các nhóm nhân tố cũng như của ảnh hưởng của các biến quan sát. Luận án làm rõ quan điểm, mục tiêu, định hướng thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào tỉnh Quảng Ninh và đề xuất các nhóm giải pháp nhằm tăng cường thu hút vốn FDI vào tỉnh Quảng Ninh trong bối cảnh mới.

## **5. Kết cấu của luận án**

Ngoài phần mở đầu, kết luận, tài liệu tham khảo và phụ lục, Luận án được kết cấu thành 5 chương:

**Chương 1:** Tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài

**Chương 2:** Cơ sở lý luận và thực tiễn về thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào địa phương cấp tỉnh

**Chương 3:** Phương pháp nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào địa phương cấp tỉnh

**Chương 4:** Thực trạng thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào tỉnh Quảng Ninh

**Chương 5:** Giải pháp tăng cường thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào tỉnh Quảng Ninh trong bối cảnh phát triển mới

## CHƯƠNG 1

### TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI

- 1.1. Các công trình nghiên cứu bản chất, vai trò và phân loại vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đối với các quốc gia nhận vốn đầu tư**
- 1.2. Các công trình nghiên cứu có liên quan đến thực trạng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đối với phát triển kinh tế tại Việt Nam**
- 1.3. Các công trình nghiên cứu có liên quan đến giải pháp thu hút vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam**
- 1.4. Các công trình nghiên cứu có liên quan đến thực trạng và giải pháp thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tại các địa phương cấp tỉnh**
- 1.5. Những vấn đề còn trống cần tiếp tục nghiên cứu**

Qua nghiên cứu, kế thừa những kết quả và khắc phục những nhược điểm của các công trình nghiên cứu trước đây có liên quan, luận án tập trung nghiên cứu các vấn đề chưa được giải quyết. *Về góc độ lý luận và kinh nghiệm thực tiễn*

Luận án tập trung làm rõ những vấn đề thu hút vốn FDI vào địa phương cấp tỉnh, cụ thể: Làm sáng tỏ các vấn đề về FDI, thu hút vốn FDI vào địa phương cấp tỉnh khác gì với vào một quốc gia; Nghiên cứu nhân tố ảnh hưởng đến thu hút vốn FDI vào địa phương cấp tỉnh; Phân tích kinh nghiệm về tăng cường thu hút vốn FDI vào một số nước, địa phương để rút ra bài học có giá trị tham khảo cho tỉnh Quảng Ninh

*Về góc độ thực tiễn*

Luận án phân tích và đánh giá thực trạng thu hút vốn FDI vào tỉnh Quảng Ninh trên cơ sở phương pháp nghiên cứu định lượng và thu thập dữ liệu từ các doanh nghiệp, từ đó phân tích những kết quả đạt được cũng như những hạn chế trong thu hút vốn FDI vào tỉnh Quảng Ninh. Luận án đã xây dựng hệ thống các quan điểm và đề xuất những giải pháp phù hợp nhằm tăng cường thu hút vốn FDI vào tỉnh Quảng Ninh. Các giải pháp đề xuất là những giải pháp trực tiếp mang tính đặc thù riêng tỉnh Quảng Ninh.



## CHƯƠNG 2

# CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ KINH NGHIỆM THỰC TIỄN VỀ THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI VÀO ĐỊA PHƯƠNG CẤP TỈNH

### 2.1 Một số vấn đề cơ bản về đầu tư trực tiếp nước ngoài và thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào địa phương cấp tỉnh

#### 2.1.1. *Khái niệm, đặc điểm và phân loại đầu tư trực tiếp nước ngoài*

##### 2.1.1.1 *Khái niệm đầu tư trực tiếp nước ngoài*

Đầu tư trực tiếp nước ngoài là việc nhà đầu tư đưa vốn bằng tiền hoặc các nguồn lực cần thiết vào các khu vực kinh tế khác không thuộc nền kinh tế của quốc gia nhà đầu tư, trực tiếp tham gia tổ chức, quản lý, điều hành...việc chuyển hóa chúng thành vốn sản xuất, kinh doanh nhằm mục đích tìm kiếm lợi nhuận tối đa. Các nguồn lực cần thiết trong khái niệm này bao gồm tài sản hữu hình (máy móc, thiết bị, quy trình công nghệ, bất động sản, các loại hợp đồng và giấy phép có giá trị...), tài sản vô hình (quyền sở hữu trí tuệ, bí quyết và kinh nghiệm quản lý...) hoặc tài sản tài chính (cổ phần, cổ phiếu, trái phiếu, giấy ghi nợ...).

##### 2.1.1.2. *Đặc điểm đầu tư trực tiếp nước ngoài*

*Thứ nhất*, các chủ đầu tư trực tiếp điều hành, quản lý và kiểm soát quá trình sử dụng vốn, được hoàn toàn tự chủ trong hoạt động kinh doanh của mình.

*Thứ hai*, FDI gắn với hoạt động sản xuất kinh doanh, vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài sẽ được chuyển thành máy móc thiết bị, công nghệ, vật tư nguyên liệu...

*Thứ ba*, FDI thường kèm theo chuyển giao công nghệ cho bên nhận đầu tư. Thông qua FDI, nước chủ nhà có thể tiếp cận kỹ thuật, công nghệ tiên tiến, kinh nghiệm quản lý.

### *2.1.1.3. Phân loại đầu tư trực tiếp nước ngoài*

## ***2.1.2. Thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào địa phương cấp tỉnh***

### *2.1.2.1. Quan điểm về thu hút vốn đầu tư nước trực tiếp ngoài vào địa phương cấp tỉnh*

Thu hút vốn FDI vào địa phương cấp tỉnh được hiểu là tập hợp các hành động, chính sách của chính quyền địa phương cấp tỉnh trong việc chuyên môn hóa sản xuất kết hợp chặt chẽ với phát triển tổng hợp; nhằm hấp dẫn, kích thích nhà đầu tư nước ngoài nảy sinh ý định đầu tư và đưa ra quyết định bỏ vốn FDI vào địa phương, thực hiện trong một thời kỳ nhất định. “Tăng cường” nghĩa là làm cho nhiều thêm, mạnh thêm. Theo đó, tăng cường thu hút vốn FDI vào chính quyền cấp tỉnh được hiểu là việc thực hiện tập trung, mạnh mẽ hơn các hành động, chính sách của chính quyền địa phương nhằm gia tăng sự hấp dẫn của địa phương, kích thích nhà đầu tư nước ngoài có ý định đầu tư và đưa ra quyết định bỏ vốn đầu tư, từ đó làm gia tăng dòng chảy FDI vào địa phương, được biểu hiện thông qua số lượng, giá trị giao dịch của hợp đồng FDI đăng ký, thực hiện trong một thời kỳ nhất định. Trong phạm vi nghiên cứu của luận án, tác giả muốn phân tích thực trạng thu hút vốn FDI vào tỉnh Quảng Ninh để từ đó đề xuất giải pháp tăng cường thu hút vốn FDI vào tỉnh Quảng Ninh.

### *2.1.2.2. Nội dung thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào địa phương cấp tỉnh*

Hoạt động thu hút đầu tư được hiểu là những hoạt động mang tính chủ quan của bên tiếp nhận đầu tư. Bao gồm tất cả các hoạt động, chính nhằm mục đích hấp dẫn các nhà đầu tư nước ngoài để họ có ý định đầu tư và quyết định dịch chuyển vốn đầu tư vào quốc gia, địa phương nhận đầu tư. Với cách hiểu như trên, nội dung của thu hút đầu tư chính là nội dung của các hoạt động, chính sách đó, bao gồm các hoạt động: Xây dựng các mục tiêu thu hút vốn FDI, chính sách cải thiện môi trường đầu tư; các hoạt động, chính sách ưu đãi đầu tư và các hoạt động; hoạt động xúc tiến đầu tư...

*2.1.2.3. Tiêu chí đánh giá hoạt động thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào địa phương cấp tỉnh*

- Nhóm tiêu chí về quy mô vốn và số dự án FDI
- Nhóm tiêu chí về cơ cấu vốn FDI

*2.1.2.4. Các nhân tố ảnh hưởng đến thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào địa phương cấp tỉnh*

a. Nhân tố chủ quan thuộc địa phương tiếp nhận vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài

- Lợi thế địa điểm
- Sự phát triển cơ sở hạ tầng tại địa phương
- Chất lượng nguồn nhân lực tại địa phương
- Thể chế, thủ tục hành chính liên quan đến FDI tại địa phương
- Yếu tố địa phương hóa
- Năng lực và tư tưởng nhận thức của lãnh đạo, hoạt động của cơ quan

xúc tiến tại địa phương

b. Nhân tố khách quan liên quan đến nhà đầu tư nước ngoài

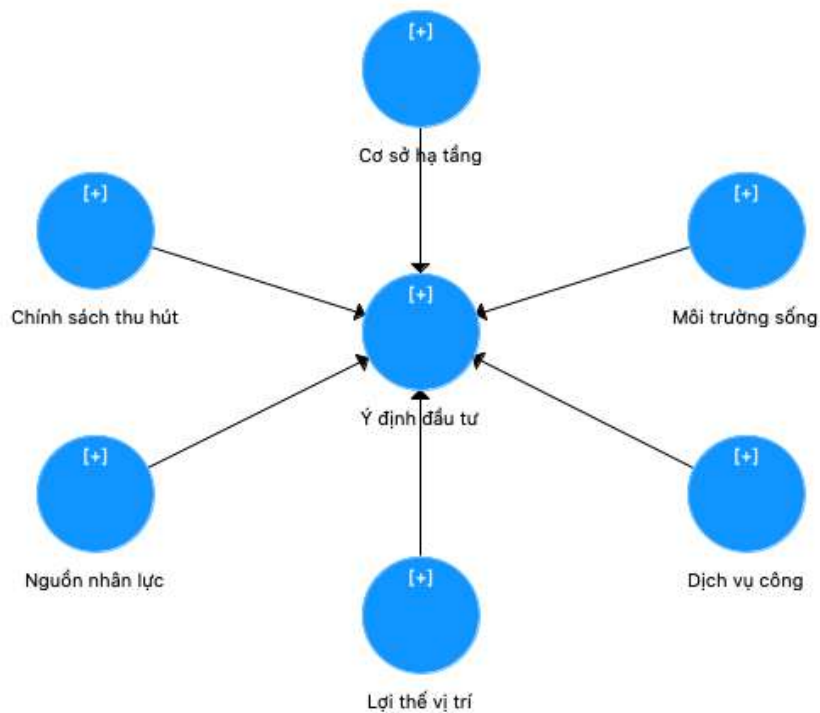
- Môi trường kinh tế thế giới
- Hướng dịch chuyển của dòng vốn FDI quốc tế
- Tiềm lực tài chính, năng lực kinh doanh của nhà đầu tư nước ngoài
- Động cơ, chiến lược đầu tư của các nhà đầu tư nước ngoài

c. Các nhân tố khác quan thuộc môi trường vĩ mô

- Chiến lược thu hút vốn để phát triển KT-XH của quốc gia
- Độ mở cửa kinh tế quốc tế của quốc gia tiếp nhận
- Sự ổn định môi trường kinh tế vĩ mô
- Thể chế của nước tiếp nhận vốn FDI

**2.2. Mô hình nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào địa phương cấp tỉnh**

### 2.2.1. Mô hình nghiên cứu



**Hình 2.1. Mô hình đánh giá các nhân tố tác động đến “Ý định” đầu tư của nhà đầu tư vào địa phương cấp tỉnh**

*Nguồn: Tác giả tổng hợp, đề xuất*

### 2.2.2. Các giả thuyết nghiên cứu

**Bảng 2.1. Tổng hợp các giả thuyết nghiên cứu của luận án**

<b>Giả thuyết</b>	<b>Nội dung</b>
H1	Nhân tố cơ sở hạ tầng địa phương có quan hệ thuận chiều với ý định đầu tư của doanh nghiệp
H2	Nhân tố chính sách thu hút đầu tư có quan hệ thuận chiều với ý định đầu tư của doanh nghiệp
H3	Nhân tố nguồn nhân lực địa phương có quan hệ thuận chiều với ý định đầu tư của doanh nghiệp

<b>Giả thuyết</b>	<b>Nội dung</b>
H4	Nhân tố lợi thế vị trí có quan hệ thuận chiều với ý định đầu tư của doanh nghiệp
H5	Nhân tố môi trường sống địa phương có quan hệ thuận chiều với ý định đầu tư của doanh nghiệp
H6	Nhân tố chất lượng dịch vụ công có quan hệ thuận chiều với ý định đầu tư của doanh nghiệp

### **2.3. Kinh nghiệm thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài và bài học kinh nghiệm cho tỉnh Quảng Ninh**

#### ***2.3.1. Kinh nghiệm của Tỉnh Bắc Ninh***

#### ***2.3.2. Kinh nghiệm của Thành phố Hồ Chí Minh***

#### ***2.3.3. Kinh nghiệm của Tỉnh Cần Thơ***

#### ***2.3.4. Bài học kinh nghiệm trong việc thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài cho tỉnh Quảng Ninh***

### CHƯƠNG 3

## PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI VÀO ĐỊA PHƯƠNG CẤP TỈNH

### 3.1. Quy trình nghiên cứu

Để đạt được mục tiêu nghiên cứu tác giả lựa chọn áp dụng đồng thời cả hai phương pháp là định tính và định lượng. Trong đó, việc sử dụng phương pháp định lượng nhằm phát hiện các mối quan hệ giữa các biến số. Phương pháp định tính nhằm hỗ trợ cho phương pháp định lượng thông qua việc hỗ trợ hiệu chỉnh các thang đo, mô hình nghiên cứu và phiếu khảo sát.

### 3.2. Thu thập và chọn mẫu nghiên cứu

*Mô tả mẫu nghiên cứu*

**Bảng 3.4. Bảng thống kê số lượng phiếu điều tra**

STT	Nội dung	Số lượng
1	Số phiếu phát ra (phiếu)	285
2	Số phiếu thu về (phiếu)	236
3	Số phiếu hợp lệ (phiếu)	192
4	Tỷ lệ số phiếu hợp lệ (%)	81

*Nguồn: Tác giả tổng hợp.*

*Phân tích mô hình cấu trúc tuyến tính dựa trên bình phương tối thiểu từng phần PLS-SEM (Partial Least Squares - Structural Equation Model). Mô hình cấu trúc tuyến tính SEM được sử dụng rộng rãi trong các lĩnh vực nghiên cứu tâm lý học (Anderson và Gerbing, 1988; Hensell và White, 1991), xã hội học (Lavee, 1988; Lorence và Mortimer, 1985), nghiên cứu sự phát triển của trẻ em (Anderson, 1987; Biddle và Marlin, 1987) và nghiên cứu rộng rãi trong lĩnh vực quản lý (Tharenou, Latimer và Conroy, 1994). Phương pháp PLS-SEM được sử dụng để phân tích sự ảnh hưởng của các nhân tố ảnh hưởng tới ý định đầu tư của doanh nghiệp tới ý định đầu tư của doanh nghiệp đó.*

## CHƯƠNG 4. THỰC TRẠNG THU HÚT

### VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI VÀO TỈNH QUẢNG NINH

#### 4.1. Tổng quan tình hình phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Ninh

##### 4.1.1. *Khái quát điều kiện tự nhiên của tỉnh Quảng Ninh*

Vị trí địa lý

Điều kiện địa hình

Tài nguyên thiên nhiên

Tình hình dân số và lao động

##### 4.1.2. *Kết quả phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Quảng Ninh ảnh hưởng đến thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài*

Tỉnh Quảng Ninh đã ban hành và triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 30/6/2016 về xây dựng và phát triển thành phố Hạ Long đến năm 2020, định hướng đến năm 2030, với mục tiêu xây dựng, phát triển Hạ Long là thành phố du lịch biển văn minh, thân thiện, trung tâm du lịch đẳng cấp quốc tế, khẳng định vai trò là “tâm” trong định hướng phát triển không gian của tỉnh. Đồng thời, xuất phát từ đòi hỏi của thực tiễn và xu thế, yêu cầu phát triển của tỉnh, phù hợp với các quy hoạch chiến lược, chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật nhà nước và nguyện vọng của nhân dân, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 18-NQ/TU ngày 02/10/2019 về mở rộng địa giới hành chính, không gian phát triển của thành phố Hạ Long và huyện Hoàn Bồ để khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế khác biệt vốn có của hai địa phương, phát huy mọi nguồn lực, tạo đột phá làm hạt nhân thúc đẩy tỉnh Quảng Ninh trở thành thành phố trực thuộc Trung ương trước năm 2030. Triển khai thực hiện hiệu quả quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội và điều chỉnh quy hoạch xây dựng khu kinh tế Vân Đồn đến năm 2045; thu hút các dự án lớn, mang tính động lực; các dự án du lịch, dịch vụ đẳng cấp; huy động, sử dụng hiệu quả các nguồn lực xã hội để hoàn

thiện kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại vào khu kinh tế Vân Đồn... Nghiên cứu đề xuất và được Chính phủ cho phép thí điểm thành lập Ban Quản lý khu kinh tế Vân Đồn trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và xây dựng cơ chế, thể chế vận hành hiệu lực, hiệu quả, tạo điều kiện thuận lợi thúc đẩy sự phát triển của khu kinh tế Vân Đồn. Ưu tiên nguồn lực đầu tư phát triển khu kinh tế cửa khẩu Móng Cái thành khu kinh tế cửa khẩu tự do và là cửa ngõ giữa Trung Quốc - ASEAN cho các hoạt động về thương mại, du lịch và dịch vụ.

## 4.2. Thực trạng thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào tỉnh Quảng Ninh

### 4.2.1. Kết quả thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào tỉnh Quảng Ninh

**Bảng 4.3. Tổng hợp các dự án FDI trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh**

Đơn vị: USD

Năm	Cấp mới		Đ/chỉnh tăng vốn		Rút giấy phép		Còn hiệu lực	
	DA	Vốn đầu tư	DA	Vốn đầu tư	DA	Vốn đầu tư	DA	Vốn đầu tư
2010	03	2.151.400.000	01	52.300.000	09	41.880.000	100	3.750.205.600
2011	03	26.400.000	04	25.480.000	16	50.800.000	89	3.751.285.600
2012	05	395.940.000	03	21.033.000	04	10.100.000	90	4.155.752.278
2013	08	371.745.000	02	14.024.000	02	4.870.000	94	4.525.627.278
2014	11	707.300.000	07	85.800.000	03	265.571.428	103	5.053.155.850
2015	11	365.500.000	04	69.700.000	03	2.000.000	111	5.486.355.850
2016	12	545.200.000	04	13.200.000	03	11.522.500	117	6.020.833.350
2017	09	65.803.922	03	11.774.000	06	17.326.448	120	6.015.906.902
2018	06	179.735.286	03	56.029.000	04	5.554.400	119	6.246.116.078
2019	17	171.000.000	08	143.900.000	05	11.600.000	125	6.800.000.000
Tổng	85	4.980.024.208	39	493.240.000	55	421.224.776		

Nguồn: Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ninh



Trong giai đoạn 2010 – 2019, tỉnh Quảng Ninh đã thực hiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (GCNĐKĐT) cho 85 dự án, điều chỉnh tăng vốn cho 39 dự án; Tổng vốn thu hút mới đạt trên 4,9 tỷ USD. Bên cạnh đó, sau khi rà soát các dự án không triển khai hoạt động hoặc hoạt động hiệu quả kém, tỉnh đã thực hiện thu hồi 55 dự án với tổng vốn đầu tư trên 421 triệu USD. Trừ các dự án đã hết thời hạn hoạt động và giải thể trước thời hạn, đến nay trên địa bàn tỉnh có 125 dự án FDI còn hiệu lực với tổng vốn đầu tư đăng ký đạt trên 6,8 tỷ USD đang thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh.

Nhìn chung, các dự án FDI bước đầu đã đáp ứng các mục tiêu đề ra, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng phát huy các tiềm năng và thế mạnh của địa phương. Cùng với việc thu hút các dự án đầu tư mới, nhiều dự án sau khi hoạt động có hiệu quả đã mở rộng quy mô sản xuất – kinh doanh, tăng thêm vốn đầu tư.

#### **4.2.2. Đánh giá thực trạng thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào tỉnh Quảng Ninh**

##### *3.2.2.1. Thành công*

Nguồn vốn FDI đóng một vai trò quan trọng cho sự tăng trưởng của nền kinh tế nói chung và cho ngành công nghiệp nói riêng, trong đó từng bước trở thành nguồn đầu tư quan trọng của tỉnh, góp phần phát triển các ngành công nghiệp và tạo công ăn việc làm cho người lao động. FDI góp phần cải thiện hệ thống cơ sở hạ tầng, đặc biệt là hạ tầng du lịch, dịch vụ. FDI góp phần thúc đẩy chuyển giao công nghệ tiên tiến, phát triển một số ngành kinh tế quan trọng của tỉnh như nhiệt điện, cảng biển, công nghiệp chế biến... Trong lĩnh vực nông – lâm – ngư nghiệp, FDI đã tạo ra một số sản phẩm mới có hàm lượng kỹ thuật cao và các cây, con giống mới. Lĩnh vực du lịch – dịch vụ tiếp thu nhiều ý tưởng hiện đại và cách thức quản lý tiên tiến.

Tác động lan tỏa của FDI đến các thành phần kinh tế khác và các địa bàn trong tỉnh. Mặt khác, các doanh nghiệp FDI cũng tạo động lực cạnh tranh của các doanh nghiệp trong nước nhằm thích ứng trong bối cảnh toàn cầu hóa.

FDI đóng góp đáng kể vào ngân sách nhà nước và các cân đối vĩ mô. Cùng với sự phát triển các doanh nghiệp có vốn FDI, mức đóng góp của khu vực kinh tế có vốn FDI vào ngân sách ngày càng tăng. FDI tác động tích cực đến các cân đối của nền kinh tế như cân đối ngân sách, mở rộng nguồn thu ngoại tệ gián tiếp qua khách quốc tế, tiền thuê đất, tiền mua máy móc và nguyên, vật liệu...

FDI góp phần quan trọng trong việc tạo việc làm, tăng năng xuất lao động, cải thiện nguồn nhân lực. Một bộ phận lao động địa phương được tiếp nhận vào làm việc trong các doanh nghiệp FDI được bồi dưỡng, đào tạo tay nghề, ngoại ngữ, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, từng bước thay thế được các vị trí quan trọng, chủ chốt của doanh nghiệp.

Ngoài ra, cộng đồng doanh nghiệp FDI đã có những đóng góp tích cực trong các hoạt động từ thiện, hoạt động xã hội, cải cách thủ tục hành chính, tham gia các hoạt động phong trào quần chúng: thể thao, văn hóa, văn nghệ, lễ hội, sự kiện lớn... của tỉnh.

#### *4.2.2.2. Hạn chế*

Tuy đạt được những kết quả quan trọng nêu trên, nhưng hoạt động FDI tại Quảng Ninh thời gian qua còn những mặt hạn chế như sau:

Thứ nhất, hạn chế về công tác thu hút và chất lượng FDI:

Thứ hai, hạn chế trong công tác quản lý nhà nước

Thứ ba, hạn chế về cơ chế, chính sách

Thứ tư, hạn chế về quỹ đất sạch

Thứ năm, hạn chế về cơ sở hạ tầng

Thứ sáu, hạn chế về nguồn nhân lực chất lượng cao

#### 4.2.2.3. Nguyên nhân của hạn chế

- Thứ nhất, hệ thống pháp luật chưa được hoàn thiện:
- Thứ hai, chính sách thu hút vốn FDI chưa đủ mạnh:
- Thứ ba, hoạt động xúc tiến thu hút vốn FDI còn kém hiệu quả.
- Thứ tư, hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật ở các khu công nghiệp còn nhiều hạn chế.
- Thứ năm, chất lượng lao động còn thấp và trình độ quản lý nhà nước đối với FDI còn chưa hiệu quả.
- Thứ sáu, quản lý Nhà nước về FDI còn nhiều bất cập như:
- Thứ bảy, công tác quy hoạch và cải cách hành chính còn còn nhiều bất cập.
- Thứ tám, tiềm lực tài chính của các nhà đầu tư

### 4.3. Kết quả đánh giá các nhân tố ảnh hưởng đến thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào tỉnh Quảng Ninh

#### Phân tích hệ số tin cậy

**Bảng 4.6. Bảng tổng hợp độ tin cậy của thang đo sau khi loại biến**

Thang đo	Cronbach's Alpha	Số lượng biến
Cơ sở hạ tầng	0.828	5
Chính sách thu hút	0.852	4
Nguồn nhân lực	0.790	3
Môi trường sống	0.868	4
Dịch vụ công	0.784	3
Ý định đầu tư	0.865	4

*Nguồn: Kết quả khảo sát của tác giả*

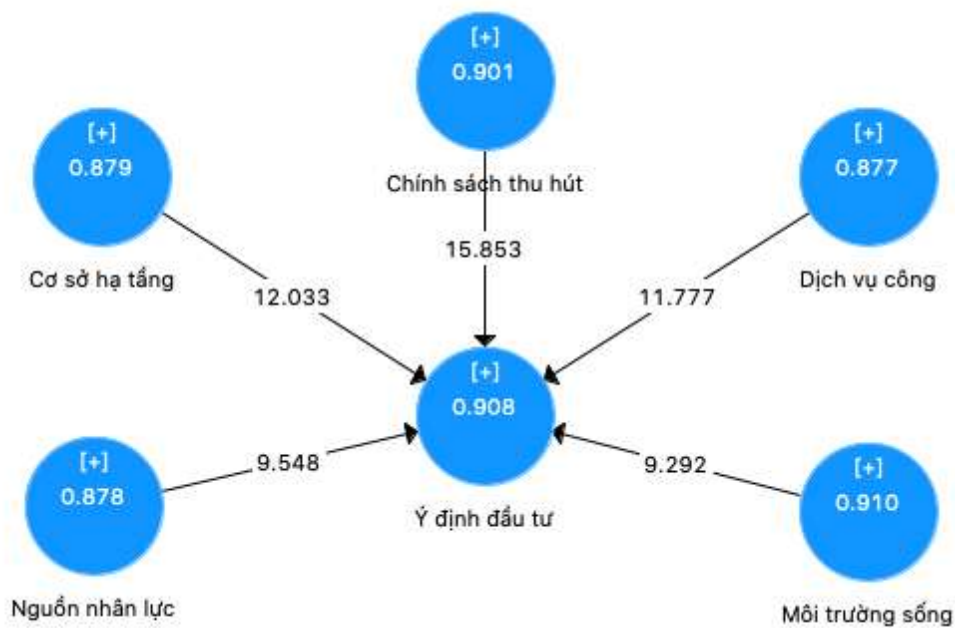
***Phân tích mô hình cấu trúc tuyến tính dựa trên bình phương tối thiểu từng phần PLS-SEM***

Sau khi có kết quả kiểm tra sự phù hợp của toàn bộ mô hình, tác giả tiến hành đưa toàn bộ các quan sát và biến tiềm ẩn đã thỏa mãn vào mô hình để phân tích SEM và tiến hành kiểm định các giả thuyết nghiên cứu. Kết quả kiểm định giả thuyết nghiên cứu được đánh giá với mức ý nghĩa 5% và được kiểm định bằng thủ tục bootstrapping với 5000 mẫu con và mức ý nghĩa 5%. Kết quả kiểm định mô hình thu được như sau:

**Bảng 4.8. Kết quả kiểm định mô hình**

Mối quan hệ	Giả thuyết	Độ lệch chuẩn	Thống kê T	Giá trị P	Kết luận
Chính sách thu hút -> Ý định đầu tư	H2	0.024	15.853	<b>0.000</b>	Chấp nhận
Cơ sở hạ tầng -> Ý định đầu tư	H1	0.027	12.033	<b>0.000</b>	Chấp nhận
Dịch vụ công -> Ý định đầu tư	H6	0.028	11.777	<b>0.000</b>	Chấp nhận
Môi trường sống -> Ý định đầu tư	H5	0.026	9.292	<b>0.000</b>	Chấp nhận
Nguồn nhân lực -> Ý định đầu tư	H3	0.031	9.548	<b>0.000</b>	Chấp nhận

*Nguồn: Kết quả điều tra khảo sát của tác giả*



**Hình 4.1. Kết quả mô hình nghiên cứu**

*Nguồn: Kết quả điều tra khảo sát của tác giả*

Kết quả cho thấy các biến số độc lập đều có tác động có ý nghĩa đến biến phụ thuộc. Cụ thể: Chính sách thu hút đầu tư có tác động mạnh nhất đến ý định đầu tư của doanh nghiệp FDI ( $t=15.853$ ,  $p<0,001$ ); cơ sở hạ tầng, dịch vụ công và nguồn nhân lực có tác động mạnh tiếp sau đến ý định đầu tư của doanh nghiệp FDI, cụ thể đối với cơ sở hạ tầng có kết quả ( $t=12.033$ ,  $p<0,001$ ), dịch vụ công có kết quả ( $t=11.777$ ,  $p<0,001$ ), nguồn nhân lực có kết quả ( $t=9.548$ ,  $p<0,001$ ); và cuối cùng là môi trường sống có tác động đến ý định đầu tư ( $t=0.910$ ,  $p<0,001$ ). Toàn bộ giá trị p đều bằng 0 ( $p<0,001$ ) chứng tỏ kết quả kiểm định các giả thuyết đáng tin cậy và toàn bộ các giả thuyết đều được chấp nhận.

## **CHƯƠNG 5. MỘT SỐ GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI VÀO TỈNH QUẢNG NINH TRONG BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN MỚI**

### **5.1. Định hướng của tỉnh Quảng ninh về thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài**

#### **5.1.1. Bối cảnh phát triển mới ảnh hưởng đến thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào tỉnh Quảng Ninh**

Trong bối cảnh đó cạnh tranh thu hút FDI trong khu vực và trên thế giới đang cạnh tranh gay gắt. Khả năng và ý định đầu tư ra nước ngoài của các tập đoàn đa quốc gia bị ảnh hưởng do khó khăn kinh tế dẫn tới các chính sách thắt chặt tín dụng tại các nước đầu tư, giảm kỳ vọng thị trường, giảm giá trị tài sản do thị trường chứng khoán đi xuống và giảm lợi nhuận của các tập đoàn. Thêm vào đó, các tập đoàn còn phải đối mặt với những thay đổi khó lường trong chính sách.

Việt Nam đã ký kết nhiều Hiệp định Thương mại có ý nghĩa lớn: Mạng lưới hiệp định thương mại của Việt Nam mang đến cơ hội tiếp cận những thị trường quan trọng như Nhật Bản, Hàn Quốc, Ấn Độ, điều này không chỉ có vai trò quan trọng đối với xuất khẩu của Việt Nam mà còn hấp dẫn của FDI. Các nhà đầu tư nước ngoài tìm kiếm hiệu quả sẽ hướng đến việc sản xuất những hàng hóa hoặc dịch vụ ở Việt Nam để xuất khẩu sang các thị trường thứ ba. Do vậy, cơ hội tiếp cận thị trường có ưu đãi và được đảm bảo do mạng lưới FTA mà Việt Nam ký kết đem lại là một lợi thế để thu hút các nhà đầu tư.

Báo cáo Việt Nam tầm nhìn 2030 đã nhấn mạnh sự cần thiết phải dịch chuyển lên nấc cao hơn trong chuỗi giá trị toàn cầu bằng việc tập trung xây dựng chuỗi liên kết trong nước, gia tăng giá trị, nâng cao kỹ năng và đổi mới sáng tạo. Xuất phát từ chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011-2035, hướng tới thịnh vượng, sáng tạo, bình đẳng, Việt Nam xây dựng chiến lược FDI thế hệ

mới, tầm nhìn đến năm 2020-2030. Trong đó có vấn đề quan trọng là thúc đẩy sức lan tỏa của dòng vốn FDI, nâng cao giá trị gia tăng của hàng xuất khẩu, tận dụng tối đa các lợi ích mà các FTA mang lại, từ đó doanh nghiệp Việt Nam hội nhập sâu hơn nữa vào chuỗi giá trị toàn cầu.

Ngoài ra, trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0 đang diễn ra mạnh mẽ, tác động của những công nghệ đột phá là bằng chứng cho thấy phải thường xuyên có sự nhạy bén thị trường cũng như sự năng động để duy trì Việt Nam là điểm đến cạnh tranh về thu hút FDI, cũng như khả năng tạo lập môi trường để những ngành nghề mới có điều kiện phát triển nhanh.

### **5.1.2. Triển vọng thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào tỉnh Quảng Ninh trong bối cảnh phát triển mới**

Để đạt được những mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của tỉnh, không chỉ rất cần đến sự tham gia sâu rộng hơn của khu vực FDI mà mong muốn sự cải thiện về chất lượng hoạt động FDI trong nền kinh tế. Không chỉ ở môi trường quốc tế mà ngay trong cả nội bộ quốc gia, cuộc cạnh tranh thu hút FDI ngày càng tăng giữa các quốc gia và các địa phương trong một quốc gia. Vì vậy tìm ra một định hướng FDI cho Quảng Ninh là điều hết sức cấp thiết, tạo ra một hướng đi mới cho cả một thời kỳ. Nhận thức rõ vấn đề này, trên cơ sở phân tích FDI thế giới và quán triệt quan điểm, định hướng FDI chung của cả nước, phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế xã hội toàn tỉnh, Quảng Ninh đã quán triệt định hướng mới trong thu hút FDI như sau: Định hướng thu hút FDI của Tỉnh phải phục vụ mục tiêu đổi mới mô hình tăng trưởng phát triển theo chiều rộng sang chiều sâu, từ dựa vào chủ yếu tăng vốn đầu tư, khai thác tài nguyên và lao động sang dựa vào hiệu quả, năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh. FDI phải tăng chất lượng và quy mô của một dự án đầu tư. Phân đầu hàm lượng công nghệ trong các dự án chiếm 45-50% chuyển từ phát triển công nghiệp nặng là chủ yếu dần sang phát triển công nghiệp phụ trợ kỹ thuật cao, giảm thiểu tác động môi

trường, giảm xuất thô khai thác tối đa lợi thế Vịnh Hạ Long và Vịnh Bái Tử Long

## **5.2. Giải pháp tăng cường thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào tỉnh Quảng Ninh**

*5.2.1. Đẩy mạnh xây dựng chính sách thu hút đầu tư vào tỉnh Quảng Ninh*

*5.2.2. Hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng*

*5.2.3. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực*

*5.2.4. Nâng cao chất lượng dịch vụ công*

*5.2.5. Hoàn chỉnh quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội*

*5.2.6. Đổi mới, đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả xúc tiến đầu tư*

*4.2.7. Nhóm các giải pháp về môi trường*



## KẾT LUẬN

Ở Việt Nam nói chung và các địa phương nói riêng đang cần rất nhiều vốn cho đầu tư phát triển do tích lũy nội bộ trong nền kinh tế còn thấp nên việc thu hút vốn từ bên ngoài là tất yếu. Quảng Ninh có nhiều lợi thế để phát triển đa dạng các ngành kinh tế, là cửa ngõ mở ra biển lớn cho cả nước ở phía Bắc và khu vực chuyên tải hàng hóa xuất nhập khẩu, giao lưu kinh tế, là điểm đến hấp dẫn của nhiều nhà đầu tư trong và ngoài nước. Thời gian qua, nhờ nguồn vốn đầu tư phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Ninh đã có những thay đổi tích cực, tuy nhiên, đầu tư trực tiếp nước ngoài vào tỉnh Quảng Ninh còn khá hạn chế, thậm chí xu hướng đầu tư kém ổn định và có hiện tượng giảm sút. Với đặc điểm và tình hình thực tế thu hút vốn FDI tại tỉnh Quảng Ninh, việc đẩy mạnh thu hút vốn này là hết sức cần thiết và quan trọng, là cơ sở nhằm thúc đẩy kinh tế tỉnh Quảng Ninh phát triển. Luận án đã thực hiện những nhiệm vụ chủ yếu sau:

Xây dựng lý luận chung về thu hút vốn FDI vào địa phương cấp tỉnh, gồm: Lý luận về vốn FDI, lý luận về thu hút FDI, nội dung thu hút vốn FDI, các lý thuyết về nhân tố ảnh hưởng tới thu hút vốn FDI (trong đó, luận án vận dụng lý thuyết OLI của Dunning để xây dựng mô hình nghiên cứu EFA, PLS SEM trong phân tích mẫu điều tra).

- Phân tích, tổng hợp kinh nghiệm thu hút vốn FDI của một số quốc gia, của một số địa phương trong nước và rút ra bài học kinh nghiệm cho tỉnh Quảng Ninh

- Phân tích các đặc điểm kinh tế xã hội của tỉnh Quảng Ninh có ảnh hưởng đến thu hút vốn FDI, phân tích thực trạng thu hút vốn FDI vào tỉnh Quảng Ninh từ đó chỉ ra những kết quả và tồn tại trong thu hút vốn FDI của tỉnh.

- Dựa vào thực tế phân tích số liệu FDI đầu tư vào tỉnh Quảng Ninh, tác giả đã sử dụng mô hình EFA, PLS SEM để phân tích và đánh giá các nhân tố ảnh hưởng đến thu hút vốn FDI vào tỉnh Quảng Ninh và đánh giá mức độ ảnh hưởng của các nhân tố thông qua biến đánh giá chung “Ý định đầu tư” của nhà đầu tư.

- Tác giả đã có sự phân tích kỹ lưỡng tình hình quốc tế và trong nước có ảnh hưởng tới thu hút vốn FDI vào tỉnh Quảng Ninh. Đồng thời chỉ ra triển vọng thu hút vốn FDI vào tỉnh Quảng Ninh.

- Tác giả đã đề xuất 7 nhóm giải pháp nhằm tăng cường thu hút vốn FDI vào tỉnh Quảng Ninh bao gồm: Đẩy mạnh xây dựng chính sách thu hút đầu tư vào tỉnh Quảng Ninh; Hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng; Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; Nâng cao chất lượng dịch vụ công; Hoàn chỉnh quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội; Đổi mới, đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả xúc tiến đầu tư; Nhóm các giải pháp về môi trường.

Với hệ thống các luận điểm, phân tích hiện trạng và đề xuất các giải pháp của Luận án “Nghiên cứu thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào tỉnh Quảng Ninh trong bối cảnh phát triển mới”, tác giả hy vọng sẽ đóng góp một phần công sức của mình để góp tiếng nói cho việc thu hút vốn FDI vào tỉnh Quảng Ninh trong tương lai gần. Tác giả mong muốn nhận được những ý kiến đóng góp của các chuyên gia, các nhà nghiên cứu trong và ngoài nước để tiếp tục hoàn thiện và phát triển hơn nữa nghiên cứu của mình.

**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC ĐÃ CÔNG BỐ  
LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN**

1. Lê Hùng Sơn (2010), “Giải pháp thu hút đầu tư nước ngoài ở Quảng Ninh”, *Tạp chí Thương Mại*, số 10/2010.
2. Lê Hùng Sơn (2013), “Quảng Ninh Điểm hẹn của các nhà đầu tư Nhật Bản”, *Tạp chí Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương*, tháng 09/2013.
3. Đỗ Anh Đức, Lê Hùng Sơn (2020), “*Kinh nghiệm thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài của các nước khu vực Đông Nam Á đối với tỉnh Quảng Ninh*”, *Tạp chí Công Thương*, số 03 tháng 02/2020.
4. Đỗ Anh Đức, Lê Hùng Sơn (2020), “*Thực trạng và định hướng giải pháp nâng cao hiệu quả xã hội hóa dịch vụ công ở Việt Nam*”, *Tạp chí Công Thương*, số 05 tháng 03/2020.

